TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2020
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Huỳnh Hưởng

Ông: Nguyễn Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh C.

Bị đơn: Chị **Trần Thị X** (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2020, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị X chung sống với nhau năm 1982 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh C. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian đầu sống rất hạnh phúc, thời gian rần đây vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị X.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 03 người con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh năm 1982; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988;

Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1992 các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị X: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy mời về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị X vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị X có nơi trú tại ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Trần Thị X, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Đ là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh Đ là nguyên đơn, chị X là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Trần Thị X tòa án tống đạt hợp lệ các giấy mời về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị X vẫn vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đ và chị X không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ và chị X đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị X.

[3] *Về con chung:* Anh Đ và chị X có 03 người con chung nay trưởng thành không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Anh Đ xác định không có, Tòa án không ghi được ý kiến chị X nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản chung nợ chung thì kiện thành một vụ kiện khác.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị X.

2. Về án phí: Anh phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 04/02/2020 anh Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003202 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh C;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K, huyện T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Thủy